

Bản án số: 136/2020/HNGĐ-ST

Ngày 15- 6 - 2020

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM ĐƠI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hồ Ngọc Yến.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Phạm Thị Hà

Ông Nguyễn Văn Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ D, tỉnh Cà Mau.

Ngày 15 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ D, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 177/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2020, về tranh chấp “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 250/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thùy D, sinh năm 1995; Nơi cư trú: Ấp C M, xã K B, huyện T V T, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Thái Quốc T, sinh năm 1994; Nơi cư trú: Khóm 5, thị trấn Đ D, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Dương Kim L, sinh năm 1977; Nơi cư trú: Ấp C M, xã K B, huyện T V T, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

+ Chị Nguyễn Như M, sinh năm 1998; Nơi cư trú: Ấp C M, xã K B, huyện T V T, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện chị Nguyễn Thùy D trình bày:

Về hôn nhân: Chị D và anh T kết hôn vào ngày 13/5/2016 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K B, huyện T V T, hôn nhân tự nguyện. Anh, chị đã ly thân cuối năm 2019 cho đến nay. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị D yêu cầu xin ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Thái Nguyên B, sinh ngày 22/10/2016 và Thái Bảo A, sinh ngày 26/4/2018. Hiện tại cháu sống với chị D, khi ly hôn chị D xin nuôi hai con, việc cấp dưỡng không đặt ra.

Về tài sản chung: Chị D xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ:

+ Nợ bà Dương Kim L số tiền 20.000.000 đồng.

+ Nợ chị Nguyễn Như M số tiền 7.000.000 đồng. Khi ly hôn chị D yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Thái Quốc T: Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án anh T có đơn xin từ chối tham gia tố tụng và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Đối với bà Dương Kim L và chị Nguyễn Như M: Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án bà L và chị M có đơn xin từ chối tham gia tố tụng và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] *Về tố tụng*: Chị Nguyễn Thùy D, anh Thái Quốc T, bà Dương Kim L và chị Nguyễn Như M có đơn xin từ chối tham gia phiên tòa sơ thẩm nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định pháp luật.

[2] *Về hôn nhân*: Xét yêu cầu xin ly hôn của chị D thấy rằng, xuất phát từ việc anh chị bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên dẫn đến anh chị thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn của anh, chị được hai bên gia đình hàn gắn nhiều lần nhưng chị D và anh T vẫn không thể tiếp tục chung sống. Mặt khác, tại đơn khởi kiện chị D xác định không còn tình cảm với anh T. Đối với anh T có ý kiến đồng ý ly hôn với chị D. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D, cho chị Nguyễn Thùy D được ly hôn với anh Thái Quốc T.

[3] *Về con chung*: Xét yêu cầu xin nuôi con của chị D thấy rằng, từ ngày anh chị ly thân đến nay hai cháu Nguyên B và Bảo A do chị D nuôi dưỡng vẫn đảm bảo phát triển đầy đủ về thể chất lẫn tinh thần. Do đó, cần giao tiếp tục giao hai cháu Nguyên B và Bảo A cho chị D nuôi dưỡng là phù hợp. Việc cấp dưỡng nuôi con chị D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] *Về tài sản chung*: Chị D và anh T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] *Về nợ*: Đối với nợ bà L và chị M, tại đơn xin từ chối tham gia tố tụng bà L, chị M yêu cầu được tự thỏa thuận với chị D và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] *Về án phí*: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị D phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28; Điều 35 và khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81 và Điều 82 của Luật hôn

nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thùy D. Cho chị Nguyễn Thùy D được ly hôn với anh Thái Quốc T.

2. Về con chung: Giao hai cháu Thái Nguyên B, sinh ngày 22/10/2016 và Thái Bảo A, sinh ngày 26/4/2018 cho chị Nguyễn Thùy D tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.

Anh Thái Quốc T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thùy D phải chịu 300.000 đồng. Ngày 24 tháng 4 năm 2020 chị D đã dự nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0010546 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ D, được chuyển thu.

Chị Nguyễn Thùy D, anh Thái Quốc T, bà Dương Kim L và chị Nguyễn Như M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đ D;
- Chi cục THADS huyện Đ D;
- UBND xã Khánh Bình, huyện T V T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Hồ Ngọc Yến**